

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 70/2020/DS-PT

Ngày: 07 - 5 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình.

Các Thẩm phán:

- Ông Võ Trung Hiếu

- Bà Trần Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 184/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trương Ngọc O, sinh năm 1981(có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân X, xã Long H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* 1/ Trần Văn T, sinh năm 1967 (có mặt)

2/ Phạm Thị Ngọc N, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã Tân T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hồ Thị Hồng S, sinh năm 1983 (vắng mặt)

2. Hồ Thị Ngọc T1, sinh năm 1985(vắng mặt)

3. Trần Thị Bích L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

4. Trần Thị Trúc L1, sinh năm 1992 (vắng mặt)
 5. Trần Trọng N1, sinh năm 1997(vắng mặt)
- Cùng Địa chỉ: ấp B, xã Tân T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang
6. Trần Thị Thanh X, sinh năm 1972 (vắng mặt).
- Địa chỉ: ấp A, xã Tân T, thị xã G, Tiền Giang.
- Người kháng cáo: bị đơn Phạm Thị Ngọc N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trương Ngọc O trình bày:*

Ngày 20/3/2018 bà có cho ông Trần Văn T, bà Phạm Thị Ngọc N vay số tiền 450.000.000đ để làm ăn mua bán hải sản tại chợ. Hai bên có làm giấy nhận tiền. Sau đó vài tháng sau ông T, bà N tiếp tục vay thêm 60.000.000đ.

Ngày 20/3/2019 để tổng kết lại số tiền nợ trên, nên bà và bà N cùng đến Văn phòng công chứng Phú Mỹ để làm hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để đảm bảo cho thi hành án sau này. Tổng số tiền vay là 510.000.000đ, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2% /tháng, phải trả lãi đầy đủ hàng tháng, thời hạn vay trong hợp đồng là 01 năm tính từ ngày hợp đồng ký có hiệu lực, trong thời hạn 3 tháng mà bà N không trả lãi đầy đủ như thỏa thuận trong hợp đồng và thỏa thuận bằng lời nói thì bà có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Từ lúc nhận tiền vay, bà N, ông T không thực hiện việc trả lãi, ông T, bà N nhận tiền xong tránh mặt làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà.

Nay yêu cầu buộc bà N, ông T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn gốc vay lần đầu là 450.000.000đ và lãi tạm tính từ ngày 20/3/2019 đến ngày xét xử với lãi suất là 1,66%/tháng thành tiền là 56.250.000đ, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đến hạn không trả thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là:

1. Quyền sử dụng đất số 00465/SQB QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 19/11/2003 cho hộ ông Trần Văn T đứng tên với thửa đất số 1784, tờ bản đồ số 6, diện tích theo giấy là 153m², đất vườn.

2. Quyền sử dụng đất số H02944/SQB do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 11/12/2007 cho hộ ông Trần Văn T đứng tên với thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 6, diện tích theo giấy là 139m², đất trồng cây lâu năm.

Địa chỉ hai thửa đất ấp B, xã Tân T, thị xã G, Tiền Giang.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà O rút lại yêu cầu khởi kiện buộc bà N, ông T trả số tiền gốc là 60.000.000đ.

** Bị đơn ông Trần Văn T, bà Phạm Thị Ngọc N trình bày:*

Do thời gian đã lâu nên ông bà không nhớ cụ thể chỉ nhớ rằng vợ chồng ông, bà có vay của bà Trương Ngọc O số tiền 350.000.000đ, lãi suất 4%/tháng, đóng lãi hàng tháng, do khó khăn có tháng đóng lãi có tháng không, nên ngày

20/3/2018 bà O gộp vốn và lãi thành số tiền 450.000.000đ rồi cho bà ký tên vào biên nhận tiền.

Ngày 20/3/2019 để đảm bảo khoản vay được thu hồi nên bà O và bà N có ra công chứng làm hợp đồng vay thế chấp tài sản với số tiền trong hợp đồng là 510.000.000đ gồm 350.000.000đ vốn gốc và 160.000.000đ tiền lãi, trong hợp đồng ghi số tiền 510.000.000đ nhưng thực tế bà O không có giao cho ông bà số tiền 60.000.000đ tiếp theo như lời bà O trình bày.

Nay đồng ý trả cho bà O số tiền 450.000.000đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thanh X trình bày: Bà không ý kiến gì yêu cầu khởi kiện của bà O, bà yêu cầu bảo đảm thi hành án cho bà khoản tiền mà bà N, ông T phải trả cho bà cùng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước đây.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 184/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 26, 35, 92, 147, 217, 218, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, 468, 317, 318, 319, 320, 321, 323, 325 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Buộc bà Phạm Thị Ngọc N và ông Trần Văn T cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trương Ngọc O số tiền vốn là 450.000.000đ, tiền lãi 56.250.000đ, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trương Ngọc O có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng bà Phạm Thị Ngọc N và ông Trần Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đến hạn trả tiền nếu bà Phạm Thị Ngọc N và ông Trần Văn T không trả thì bà Trương Ngọc O có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đảm bảo thi hành án gồm các quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất số 00465/SQB QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/11/2003 cho hộ ông Trần Văn T đứng tên với thửa đất số 1784, tờ bản đồ số 6, diện tích theo giấy là 153m², đất vườn.

- Quyền sử dụng đất số H02944/SQB do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/12/2007 cho hộ ông Trần Văn T đứng tên với thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 6, diện tích theo giấy là 139m², đất trồng cây lâu năm.

Địa chỉ hai thửa đất ấp B, xã Tân T, thị xã G, Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16 tháng 11 năm 2019, bị đơn Phạm Thị Ngọc N kháng cáo yêu cầu xin được trả dần số tiền 450.000.000đ và xin trả lãi theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Phạm Thị Ngọc N trình bày do hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ nên kháng cáo xin trả dần số tiền 450.000.000đ mỗi tháng trả 6.000.000đ, xin không trả lãi do trước đây có trả lãi cho bà O được 3 tháng tiền lãi (từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2019).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Trương Ngọc O không chấp nhận kháng cáo của bà N, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà N không có cơ sở chấp nhận; đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Hồ Thị Hồng S, Hồ Thị Ngọc T1, Trần Thị Bích L, Trần Thị Trúc L1, Trần Trọng N1, Trần Thị Thanh X được triệu tập lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản” là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo quy định của Bộ luật dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Phạm Thị Ngọc N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Trương Ngọc O khởi kiện yêu cầu buộc bà Phạm Thị Ngọc N, ông Trần Văn T trả số tiền vốn vay lần đầu là 450.000.000đ và lãi tạm tính từ ngày 20/3/2019 đến ngày xét xử với lãi suất là 1,66%/tháng thành tiền là 56.250.000đ, trường hợp không trả thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 20/3/2019, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào biên nhận ngày 20/3/2018 thể hiện bà N, ông T có vay tiền của bà O số tiền 450.000.000đ, ông T và bà N thừa nhận có nợ của Oanh số tiền 450.000.000đ và đồng ý trả số tiền này cho bà O; xét thấy do bà N, ông T vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo thuận, nên bà O yêu cầu ông T, bà N trả số tiền 450.000.000đ là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T, bà N trả số tiền vay 450.000.000đ cho bà O là có căn cứ

Đối với số tiền lãi: theo bà O trình bày lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, còn phía ông T, bà N trình bày là 4%/tháng; xét thấy việc thỏa thuận lãi suất của các bên thỏa thuận bằng lời nói, mặc khác thỏa thuận như các bên trình bày cũng cao hơn so với lãi suất theo quy định pháp luật, bà O trình bày từ ngày 20/3/2019 về sau phía ông T, bà N không đóng lãi, nên yêu cầu ông T, bà N trả lãi suất theo quy định pháp luật 1,66% tháng từ ngày 20/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 56.250.000đ là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận theo yêu cầu tính lãi của bà O là có căn cứ.

Để đảm bảo khoản vay trên giữa bà O và bà N đại diện hộ gia đình đến Văn phòng công chứng Phú Mỹ để làm hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất là thửa đất số 1784, tờ bản đồ số 6, diện tích 153m², đất vườn và với thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 6, diện tích là 139m², đất trồng cây lâu năm, địa chỉ hai thửa đất ấp B, xã Tân T, thị xã G, Tiền Giang, hai thửa đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Trần Văn T. Xét thấy về trình tự thủ tục ký kết hợp đồng trên phù hợp với các Điều 319, 325, 317 Bộ luật dân sự nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật; căn cứ Điều 3 Hợp đồng nêu trên quy định trong thời hạn 03 tháng ông T, bà N không trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận thì bà O có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Do bên ông T, bà N vi phạm nghĩa vụ không trả lãi theo thỏa thuận tại Điều 3 Hợp đồng nêu trên nên bà O yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 02 thửa đất nêu trên trong trường hợp đến hạn mà ông T, bà N không trả tiền cho bà O là có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu bà O khởi kiện bà N, ông T trả số tiền vay 60.000.000đ, tại phiên tòa sơ thẩm bà O rút lại yêu cầu này, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu này theo quy định tại Điều 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, phù hợp pháp luật, bà O có quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

Bà N kháng cáo là bà và ông T đồng ý trả cho bà O số tiền vốn 450.000.000đ xin trả dần mỗi tháng 6.000.000đ do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và xin không trả lãi do trước đây có trả cho bà O 3 tháng tiền lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm bà O không thừa nhận là có nhận 3 tháng tiền lãi như bà N trình bày và không đồng ý cho bà N, ông T trả dần tiền vốn 450.000.000đ, bà O vẫn giữ yêu cầu tính lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên; xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà N ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà O và chưa phù hợp với quy định pháp luật nên kháng cáo của bà N là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phạm Thị Ngọc N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bà N không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 01 Điều 148, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 468, 317, 318, 319, 320, 321, 323, 325 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phạm Thị Ngọc N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 184/2019/DS-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Phạm Thị Ngọc N và ông Trần Văn T cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trương Ngọc O số tiền vốn là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi 56.250.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trương Ngọc O có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng bà Phạm Thị Ngọc N và ông Trần Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đến hạn trả tiền nếu bà Phạm Thị Ngọc N và ông Trần Văn T không trả thì bà Trương Ngọc O có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đảm bảo thi hành án gồm các quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất số 00465/SQB QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/11/2003 cho hộ ông Trần Văn T đứng tên đối với thửa đất số 1784, tờ bản đồ số 6, diện tích theo giấy là 153m², đất vườn.

- Quyền sử dụng đất số H02944/SQB do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/12/2007 cho hộ ông Trần Văn T đứng tên đối với thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 6, diện tích theo giấy là 139m², đất trồng cây lâu năm.

Địa chỉ hai thửa đất: ấp B, xã Tân T, thị xã G, Tiền Giang.

2/ Về án phí:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn tạm ứng án phí cho bà Trương Ngọc O số tiền 12.860.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tại biên lai thu số 43307 ngày 01/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Phạm Thị Ngọc N và Ông Trần Văn T chịu 12.125.000 đồng (Mười hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc N có nghĩa vụ phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 43428 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND thị xã G
 - THADS thị xã G
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Lưu hồ sơ vụ án.
- DSPT-2020- H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Bình